



zhuī jiā

追加

verb · to add; to supplement

Example Sentences

gōng sī jué dìng zhuī jiā tóu zī
公司决定追加投资。

The company decided to add investment.

wǒ men xū yào zhuī jiā yù suàn lái wán chéng zhè ge xiàng mù
我们需要追加预算来完成这个项目。

We need to supplement the budget to complete this project.

Trace each character, then write the word on your own.

追	追	追	追	追	追	追	追	追	追	追
追										

加	加	加	加	加	加	加	加			
